

Bản án số: 52/2026/DS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2026

V/v Tranh chấp thừa kế di sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Nhã và ông Phan Đức Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026, về việc “Tranh chấp về thừa kế di sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Quang B, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trương Xuân T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Trương Thị S, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị S: Bà Trương Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Bà Đặng Thị U, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Anh Trương Văn T2, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Chị Trương Thị Ngọc N, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị S1. SN:1978, địa chỉ: Thôn D, Xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S1: Bà Trương Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Chị Nguyễn Trương Thị Thu H, sinh năm 2006, địa chỉ: Thôn D, Xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của chị Nguyễn Trương Thị Thu H: Bà Trương Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Bố ruột của ông Trương Quang B là Cụ Trương Văn X, sinh năm 1931 và mẹ là Cụ Hoàng Thị Đ, sinh năm 1933. Cụ X và Cụ Đ có tất cả 7 người con gồm 5 trai và 2 gái: Trương Văn T3, sinh năm 1970 (mất 2023) có vợ là Đặng Thị U. Sinh ngày: 05/05/1973 và hai con anh Trương Văn T2, sinh ngày: 09/02/1995 và chị Trương Thị Ngọc N, sinh ngày: 02/09/1997. Ông Trương Văn H1, sinh năm: 1975 (Đã chết năm 2024) có vợ là: Nguyễn Thị S1, sinh năm 1978 và con chị Nguyễn Trương Thị Thu H, sinh năm 2006. Ông Trương Văn C, sinh năm: 1983 (Đã chết năm 2011), thời điểm chết không có vợ con. Ông Trương Xuân T1, sinh năm: 1965. Ông Trương Quang B, sinh ngày 08/02/1968. Bà Trương Thị S, sinh ngày 10/12/1972. Bà Trương Thị T, sinh ngày 15/11/1977. Cụ Ông Trương Văn X và C1 bà Hoàng Thị Đ có đứng tên hộ gia đình trong 02 (hai) thửa đất ruộng: Thửa số: 356; tờ bản đồ số: 15; Diện tích: 1111m²; Địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Nay là Đồng Ba C2, xã T, tỉnh Quảng Trị) và thửa số: 891; tờ bản đồ số: 14; Diện tích: 384m²; Địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Nay là Đồng Còn M, xã T, tỉnh Quảng Trị). Nay được dồn điền, đổi thửa lại thành thửa 1727, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 47) diện tích 1818,1m² tại thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị và tài sản gắn liền trên đất. Cụ Ông Trương Văn X mất tháng 11/2022, cụ bà Hoàng Thị Đ mất tháng 12/2025. Sau khi cụ ông X và cụ bà Đ mất không để lại di chúc, các anh chị em trong gia đình họp để thống nhất ủy quyền cho một người trong anh chị em của ông B bán thửa đất ruộng của cụ ông và cụ bà để về lo hương khói hàng năm nhưng anh chị em không thống nhất được. Người không thống nhất được là vợ con của anh Trương Văn T3 là chị Đặng Thị U, Trương Văn T2, Trương Thị Ngọc N. Lúc cấp đất ruộng trong hộ có: ông Trương Văn X, bà Hoàng Thị Đ, bà Trương Thị T, ông Trương Văn H1, ông Trương Văn C. Ông Trương Xuân T1, ông Trương Quang B1, ông Trương Văn T3 và bà Trương Thị S thời điểm đó đã được cấp ruộng riêng. Ông Trương Quang B đề nghị chia thừa kế phần di sản là thửa đất nêu trên của cụ ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ và chia thừa kế phần di sản em trai Trương Văn C (mất năm 2011) cho các anh em, con cháu theo quy định pháp luật. Phần đất của ông B được hưởng từ di sản thừa kế của cụ ông X và cụ bà Đ và ông C xin giao lại cho bà Trương Thị T sử dụng.

Ông B đồng ý với kết quả thẩm định, định giá ngày 08/04/2026 theo hiện trạng sử dụng đất.

Bị đơn bà T trình bày: Nhất trí về năm sinh, mất của bố mẹ và hàng thừa kế theo như ông T trình bày. Bố mẹ bà có tài sản chung là 02 (hai) thửa đất ruộng, cụ thể: Thửa đất số: 356; tờ bản đồ số:15; Diện tích: 1111m²; Địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Nay là Đồng Ba C2, xã T, tỉnh Quảng Trị). Thửa đất số: 891; tờ bản đồ số:14; Diện tích: 384m²; Địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Nay là Đồng Cồn M, xã T, tỉnh Quảng Trị). Nay được dồn điền, đổi thửa lại thành thửa 1727, tờ bản đồ số 14 diện tích 1818,1 m² tại thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị và tài sản gắn liền trên đất. Đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế thửa đất số 1727, tờ bản đồ số 14 diện tích 1818,1 m² tại thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị và tài sản gắn liền trên đất.

Đề nghị chia thừa kế phần di sản của ông Trương Văn X (mất năm 2022), bà Hoàng Thị Đ (mất năm 2025) và em Trương Văn C (mất năm 2011) cho các anh em, con cháu theo quy định của pháp luật. Phần đất của bà được hưởng từ di sản thừa kế của bố mẹ bà muốn tiếp tục được sử dụng cùng với phần đất trong hộ mà bà được hưởng và những đồng thừa kế khác nhường lại cho bà. Bà đề nghị được giao canh tác đất và giao giá trị lại cho các hàng thừa kế khác. Đồng ý kết quả thẩm định, định giá ngày 08/4/2026 theo hiện trạng sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị S trình bày: Nhất trí về năm sinh, mất của bố mẹ và hàng thừa kế theo như ông B và bà T trình bày. Bố mẹ bà có tài sản chung là 02 (hai) thửa đất ruộng, cụ thể: Thửa đất số: 356; tờ bản đồ số:15; Diện tích: 1111m²; Địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Nay là Đồng Ba C2, xã T, tỉnh Quảng Trị). Thửa đất số: 891; tờ bản đồ số:14; Diện tích: 384m²; Địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Nay là Đồng Cồn M, xã T, tỉnh Quảng Trị). Nay được dồn điền, đổi thửa lại thành thửa 1727, tờ bản đồ số 14 diện tích 1818,2 m² tại thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị và tài sản gắn liền trên đất. Đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là thửa đất số 1727, tờ bản đồ số 14 diện tích 1818,1 m² tại thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị. Đề nghị chia thừa kế phần di sản của ông Trương Văn X (mất năm 2022), bà Hoàng Thị Đ (mất năm 2025) và em Trương Văn C (mất năm 2011) cho các anh em, con cháu chúng tôi theo quy định của pháp luật. Phần đất của bà được hưởng từ di sản thừa kế của bố mẹ và em C xin nhận giao lại cho bà Trương Thị T sử dụng. Đồng ý kết quả thẩm định, định giá ngày 08/4/2026 theo hiện trạng sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S1 và chị Nguyễn Trương Thị Thu H trình bày: Nhất trí Đề nghị chia thừa kế phần di sản của ông Trương Văn X (mất năm 2022), bà Hoàng Thị Đ (mất năm 2025) và em Trương Văn C (mất năm 2011) cho các anh em, con cháu theo quy định của pháp luật. Phần

đất của bà S1 và chị H được hưởng từ di sản thừa kế của bố mẹ và em C xin nhận và giao lại cho bà Trương Thị T sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị U, anh Trương Văn T2, chị Trương Thị Ngọc N đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến tham gia hòa giải và phiên tòa nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại công văn số: 356/UBND ngày 22/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã T có ý kiến:

Ngày 06/7/2006, hộ ông Trương Văn X và bà Hoàng Thị Đ được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 366 tờ bản đồ số 15 diện tích 1111m², địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa.

Ngày 06/7/2006, ông Trương Văn X và bà Hoàng Thị Đ được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 891 tờ bản đồ số 14 diện tích 384m², địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa.

Năm 2014, thực hiện dồn điền đổi thửa hộ ông Trương Văn X và bà Hoàng Thị Đ được dồn lại thành 01 thửa theo phương án dồn điền đổi thửa thôn chia với diện tích được chia là 1360m². Tại thời điểm chia đất trong hộ ông Trương Văn X và bà Hoàng Thị Đ có 5 khẩu gồm: ông Trương Văn X, bà Hoàng Thị Đ, bà Trương Thị T, ông Trương Văn H1 và Trương Văn C; hạn mức giao 272m²/khẩu.

Tháng 6/2014, thửa đất trên được đo đạc lại là thửa 1727 tờ bản đồ số 14 diện tích 1818,1m² (tăng so với phương án chia đất của thôn 458,1m²), trong đó có 203,2m² đất hành lang ATGT. Hai thửa đất 366 và thửa 891 tờ bản đồ số 14, 15 của hộ ông Trương Văn X và bà Hoàng Thị Đ sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa thành thửa 1727 tờ bản đồ số 14.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị U, anh Trương Văn T2, chị Trương Thị Ngọc N nhiều lần nhưng không có mặt và không có ý kiến. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Ngày 08/04/2026, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất số 1727, tờ bản đồ số 17 xã T, Quảng Trị có tứ cạnh như sau: Phía bắc giáp đường giao thông, có kích thước 30,24m. Phía Đông giáp đường giao thông có kích thước 62,26m. Phía Nam giáp đường giao thông có kích thước 30,53m. Phía Tây giáp thửa 1424 có kích thước 57,17m. Tổng diện tích là 1818,1m². (tăng so với phương án chia đất của thôn 458,1m²), trong đó có 203,2m² đất hành lang an toàn giao thông còn lại là 1614,9m². Tài sản trên đất: cây lúa

Kết quả định giá: đất vị trí 1 đơn giá: 51,000 đồng/m². Như vậy, giá trị thửa đất là 1614,9m² x 51.000 đồng/m² = 82.359.900 đồng

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 4 - Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã giao nộp chứng cứ, có các bản tự khai đúng quy định thể hiện

quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đặng Thị U, anh Trương Văn T2, chị Trương Thị Ngọc N không tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và tiếp cận công khai chứng cứ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án tại phiên họp là chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 73 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Khoản 5 Điều 26, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 612, 613, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 4 Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Quang B về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ ông Trương Văn X, cụ bà Hoàng Thị Đ và ông Trương Văn C. Việc phân chia di sản diện tích đất nông nghiệp của mỗi đồng thừa kế phải theo quy định pháp luật định về điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn cũng như đảm bảo quyền tự thỏa thuận, tự định đoạt của các đương sự trong việc giao lại phần tài sản và di sản thừa kế.

Tuyên buộc bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông Trương Quang B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Trương Văn X, cụ Hoàng Thị Đ và ông Trương Văn C. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp di sản thừa kế theo quy định tại khoản 5 điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trương Thị T có nơi thường trú tại xã T, tỉnh Quảng Trị, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị U, anh Trương Văn T2, chị Trương Thị Ngọc N đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trương Văn X chết năm 2022, cụ Hoàng Thị Đ chết năm 2025, ông Trương Văn C chết 2011 không để lại di chúc. Tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm

mở thừa kế”. Ngày 27/01/2026, ông Trương Quang B có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X và cụ Đ nên còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Xác định di sản thừa kế của cụ ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ.

Ngày 06/7/2006, hộ cụ ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 366 tờ bản đồ số 15 diện tích 1111m², địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Ngày 06/7/2006, cụ ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 891 tờ bản đồ số 14 diện tích 384m², địa chỉ: Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Q, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Năm 2014, thực hiện dồn điền đổi thửa hộ cụ ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ được dồn lại thành 01 thửa theo phương án dồn điền đổi thửa thôn chia với diện tích được chia là 1360m². Tại thời điểm chia đất trong hộ cụ ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ có 5 khẩu gồm: Cụ ông Trương Văn X, cụ bà Hoàng Thị Đ, bà Trương Thị T4, ông Trương Văn H1 và Trương Văn C; hạn mức giao 272m²/khẩu. Tháng 6/2014, thửa đất trên được đo đạc lại là thửa 1727 tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 47) diện tích 1818,1m² (tăng so với phương án chia đất của thôn 458,1m²), trong đó có 203,2m² đất hành lang an toàn giao thông.

Từ những phân tích trên, việc ông Trương Quang B làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là có căn cứ.

[2.3] Về hàng thừa kế của cụ ông Trương Thị X1, cụ bà Hoàng Thị Đ:

Theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự 2015, thì di sản của cụ X1, chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Theo Điều 651, Bộ luật dân sự 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật gồm: Các đương sự thống nhất khai cụ Trương Văn X, có cụ Hoàng Thị Đ và 06 người con gồm: (07 người con): Trương Xuân T1, Trương Quang B, Trương Văn T3 (chết năm 2023), Trương Thị S, Trương Thị T, Trương Văn H1 (Chết năm 2024) các cụ không có con nuôi hay con riêng. Như vậy, di sản thừa kế của cụ X được chia bảy phần, ông H1 chết năm 2024, ông T3 chết năm 2023 nên vợ và các con của ông H1 và ông T3 được hưởng phần thừa kế của ông T3, ông H1).

Hàng thừa kế của ông Trương Văn C gồm có cụ Trương Văn X, có cụ Hoàng Thị Đ.

Hàng thừa kế của ông Trương Văn T3 gồm có: bà Đặng Thị U, anh Trương Văn T2, chị Trương Thị Ngọc N và cụ Hoàng Thị Đ.

Hàng thừa kế của ông Trương Văn H1 gồm có: bà Nguyễn Thị S1, chị Nguyễn Trương Thu H và cụ Hoàng Thị Đ.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế:

Ngày 08/04/2026, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ xác minh thửa đất số 1727, tờ bản đồ số 17 xã T, Quảng Trị có tổng diện tích là 1818,1m², (tăng so với phương án chia đất của thôn 458,1m²) trong đó có 203,2m² đất hành lang an toàn

giao thông. Do đó, quyền sử dụng đất của hộ gia đình là 1614,9m², được xác định như sau: Cụ ông Trương Văn X, cụ bà Hoàng Thị Đ, ông Trương Văn H1, ông Trương Văn C và bà Trương Thị T mỗi người được sử dụng 322,98m². Đây là phần quyền sử dụng đất riêng của từng thành viên trong hộ gia đình, không phải toàn bộ đều là di sản của cụ ông X và cụ bà Đ. Phần bà T là tài sản riêng của bà T, không chia thừa kế còn khi ông C và ông H1 chết sẽ phát sinh thừa kế đối với phần của họ.

Ông Trương Văn C mất năm 2011, không có vợ, con. Phần quyền sử dụng đất 322,98m² của ông C được xác định là di sản thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm cụ ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ do đó phần di sản thừa kế chia đều cho cụ Ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ, mỗi người được hưởng 161,49m². Tổng di sản thừa kế của cụ ông X và cụ bà Đ sau khi nhận di sản thừa kế của ông C:

+ Ông Trương Văn X: $161,49\text{m}^2 + 322,98\text{m}^2 = 484,47\text{m}^2$;

+ Bà Hoàng Thị Đ: $161,49\text{m}^2 + 322,98\text{m}^2 = 484,47\text{m}^2$

- Di sản của cụ ông Trương Văn X: 484,47m². Hàng thừa kế thứ nhất của ông X gồm: cụ bà Hoàng Thị Đ, Trương Văn T3, Trương Văn H1, Trương Xuân T1, Trương Quang B, Trương Thị S, Trương Thị T. Mỗi người được hưởng 69,21m²

Ông Trương Văn T3 chết năm 2023 và ông Trương Văn H1 chết năm 2024, phần di sản mà hai ông được hưởng từ ông X và bà Đ được xác định là di sản của các ông T3, H1 và thuộc quyền thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất của các ông theo quy định pháp luật. Do đó:

- Di sản thừa kế của ông Trương Văn T3 là 69,21m², được chia cho cụ bà Hoàng Thị Đ, bà Đặng Thị U, anh Trương Văn T2 và chị Trương Thị Ngọc N. Mỗi người được hưởng 17,3025m²

- Di sản của ông Trương Văn H1 là $322,98\text{m}^2 + 69,21\text{m}^2 = 392,19\text{m}^2$, được chia cho cụ bà Hoàng Thị Đ, Nguyễn Thị S1 và chị Nguyễn Trương Thị Thu H. Mỗi người được hưởng 130,73m²

- Di sản của cụ bà Hoàng Thị Đ sau khi hưởng di sản thừa kế của ông X, ông C, ông T3 và ông H1: $484,47\text{m}^2 + 69,21\text{m}^2 + 17,3025\text{m}^2 + 130,73\text{m}^2 = 701,7125\text{m}^2$. Hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Trương Xuân T1, ông Trương Quang B, ông Trương Văn T3 (đã chết), ông Trương Văn H1 (đã chết), bà Trương Thị S và bà Trương Thị T. Do ông T3 và ông H1 đã chết nên phần của hai ông được thừa kế thế vị theo Điều 652 của BLDS, ông T3 có anh Trương Văn T2 và chị Trương Thị Ngọc N hưởng di sản, ông H1 có chị Nguyễn Trương Thị Thu H hưởng di sản. Mỗi suất thừa kế của cụ bà Đ được hưởng:

+ Ông Trương Xuân T1: 116,952083m²

+ Ông Trương Quang B: 116,952083m²

+ Ông Trương Văn T3 (đã chết) – Thừa kế thế vị (Anh Trương Văn T2, chị Trương Thị Ngọc N): $116,952083\text{m}^2$. Di sản được hưởng chia đều cho anh T2 và chị N, mỗi người được hưởng $58,4760417\text{m}^2$

+ Ông Trương Văn H1 (đã chết) – Thừa kế thế vị (Chị Trương Thị Thu H): $116,952083\text{m}^2$

+ Bà Trương Thị S: $116,952083\text{m}^2$

+ Bà Trương Thị T: $116,952083\text{m}^2$

Như vậy, tổng số di sản thừa kế được hưởng của mỗi người như sau:

+ Ông Trương Xuân T1: $: 69,21\text{m}^2 + 116,952083\text{m}^2 = 186,162083\text{m}^2$

+ Ông Trương Quang B: $69,21\text{m}^2 + 116,952083\text{m}^2 = 186,162083\text{m}^2$

+ Bà Trương Thị S: $69,21\text{m}^2 + 116,952083\text{m}^2 = 186,162083\text{m}^2$

+ Bà Trương Thị T: $69,21\text{m}^2 + 116,952083\text{m}^2 = 186,162083\text{m}^2$

+ Bà Nguyễn Thị S1: $130,73\text{m}^2$

+ Chị Nguyễn Trương Thị Thu H: $130,73\text{m}^2 + 116,952083\text{m}^2 = 247,682083\text{m}^2$

+ Chị Đặng Thị U: $17,3025\text{m}^2$

+ Anh Trương Văn T2: $17,3025\text{m}^2 + 58,4760417\text{m}^2 = 75,7785417\text{m}^2$

+ Chị Trương Thị Ngọc N: $17,3025\text{m}^2 + 58,4760417\text{m}^2 = 75,7785417\text{m}^2$

Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Q quy định diện tích tối thiểu tách thửa đối với đất nông nghiệp là 300m^2 . Chị Đặng Thị U, anh Trương Văn T2 và chị Trương Thị Ngọc N không đủ điều kiện đất để tách thửa.

Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự gồm ông Trương Quang B, ông Trương Xuân T1, bà Trương Thị S, bà Nguyễn Thị S1, chị Nguyễn Trương Thị Thu H đều thống nhất giao phần di sản mình được hưởng cho bà Trương Thị T sử dụng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái quy định pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Như vậy, sau khi nhận di sản thừa kế của cụ ông Trương Văn X và cụ bà Hoàng Thị Đ và phần di sản thừa kế của các đương sự giao lại sử dụng thì diện tích quyền sử dụng đất của bà Trương Thị T là: $(186,162083\text{m}^2 \times 4) + 130,73\text{m}^2 + 247,682083\text{m}^2 = 1123,06042\text{m}^2$

Tổng diện tích của bà Trương Thị T được hưởng là: $322,98\text{m}^2 + 1123,06042\text{m}^2 = 1446,04042\text{m}^2$

Xét hiện nay bà Trương Thị T đang trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định toàn bộ diện tích đất tranh chấp, việc giao hiện vật đất cho bà T tiếp tục quản lý sử dụng là phù hợp thực tế, đảm bảo quy định của pháp luật về diện tích tối thiểu được tách thửa và quá trình thi hành án. Bà T có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho bà Đặng Thị U, Trương Văn T2 và Trương Thị Ngọc N theo quy định của pháp luật. Theo biên bản định giá tài sản, thửa đất số 1727, tờ bản đồ số 14 xã T, Quảng

Trị có giá 51.000 đồng/m², bà T sẽ trả giá trị tương ứng đối với diện tích đất mà bà Đặng Thị U, anh Trương Văn T2 và chị Trương Thị Ngọc N được hưởng như sau:

- Bà Đặng Thị U: $17,3025\text{m}^2 \times 51.000 = 882.427$ đồng
- Trương Văn T2: $75,7785417\text{m}^2 \times 51.000 = 3.864.705,63$ đồng
- Trương Thị Ngọc N: $75,7785417\text{m}^2 \times 51.000 = 3.864.705,63$ đồng

[3]. Chi phí tố tụng: Bà Trương Thị T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, tại phiên tòa bà T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các đồng thừa kế cùng chịu chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trương Thị T, bà Đặng Thị U, anh Trương Văn T2, chị Trương Thị Ngọc N phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 273; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 263 Luật đất đai 2024; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang B về chia thừa kế di sản của cụ Trương Văn X, cụ Hoàng Thị Đ và ông Trương Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận:

Giữa bà Trương Thị T với ông Trương Quang B, Trương Xuân T1, Trương Thị S, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Trương Thị Thu H về việc ông Trương Quang B, Trương Xuân T1, Trương Thị S, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Trương Thị Thu H nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị T.

3. Phân chia di sản thừa kế cho các đương sự:

* Chia cho bà Trương Thị T được sở hữu, sử dụng diện tích 1.614,9m² và tạm giao cho bà Trương Thị T sử dụng diện tích 203,2 m² đất hành lang giao thông tại thửa đất số 1727, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 47) xã T, tỉnh Quảng Trị.

Phần di sản bà Trương Thị T nhận thừa so với phần di sản được hưởng là 8.611.837 đồng (Tám triệu sáu trăm mười một nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng). Bà Trương Thị T có trách nhiệm bồi trả cho anh Trương Văn T2, chị Trương Thị Ngọc N mỗi người 3.864.705 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm

linh năm đồng), bà Đặng Thị U số tiền 882.427 đồng (T5 trăm tám mươi nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng).

* Bà Đặng Thị U được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 882.427 đồng (T5 trăm tám mươi nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng) từ bà Trương Thị T.

* Anh Trương Văn T2 được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 3.864.705 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm linh năm đồng) từ bà Trương Thị T.

* Chị Trương Thị Ngọc N được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 3.864.705 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm linh năm đồng) từ bà Trương Thị T.

Kể từ ngày người được thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự:

- Bà Trương Thị T phải chịu 2.863.803 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm linh ba đồng) ($1123,060\text{m}^2 \times 51.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trương Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Trương Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Trương Quang B số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000553 ngày 03/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

5. Về Quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND kv 4 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS kv 4 - Quảng Trị;
- Ủy ban nhân dân xã Trường Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Mạnh Cường